

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT23B3**
Mã MH/MĐ: **MD03299**
Tên MH/MĐ: **Vẽ đồ họa 2D**
Số TC: **3**

Năm học: **24-25**

Học kỳ: **01**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354801024370	Nguyễn Văn Hoàn	Anh	31/08/2008			7	8	8.0	8.0			8.5		8.2
2	2354801024372	Nguyễn Văn	Bồn	03/11/2008			6	8	8.5	8.5			9.0		8.6
3	2354801024374	Lê Minh	Dư	16/12/2008			8	8	8.0	7.5			8.5		8.2
4	2354801024375	Huỳnh Tấn	Đạt	24/04/2008			9	7	7.5	6.0			9.5		8.6
5	2354801024376	Nguyễn Hoàng	Giang	23/07/2008			9	7	9.0	8.5			8.0		8.2
6	2354801024377	Nguyễn Phước	Hậu	16/08/2008			7	7	7.0	6.5			7.0		6.9
7	2354801024378	Trương Văn	Hòa	21/06/2002			9	10	9.5	9.0			9.8		9.6
8	2354801024379	Nguyễn Đức	Hòa	09/05/2008			10	6	7.0	6.0			9.5		8.5
9	2354801024382	Nguyễn	Kha	12/03/2007			10	6	9.5	9.5			9.5		9.3
10	2354801024384	Trần Phú Gia	Khang	28/02/2008			10	8	10.0	9.5			9.8		9.7
11	2354801024385	Cao Văn	Khanh	11/06/2008			7	6	9.0	8.0			9.0		8.5
12	2354801024386	Trần Đăng	Khoa	08/11/2008			7	6	9.0	9.5			8.8		8.6
13	2354801024387	Nguyễn Trọng	Nam	07/01/2008			7	7	8.5	8.5			7.0		7.4
14	2354801024388	Bùi Vĩnh	Nguyên	14/06/2008			10	8	6.5	6.0			7.5		7.4
15	2354801024389	Nguyễn Hoàng	Phú	16/03/2008			7	9	9.5	7.5			6.8		7.4
16	2354801024391	Võ Phước	Sang	18/09/2008			8	8	9.5	9.5			6.8		7.7
17	2354801024393	Nguyễn Minh	Triết	16/12/2008			10	7	9.0	9.5			9.5		9.3
18	2354801024394	Quách Nhựt	Trường	01/12/2008			6	6	6.5	6.0			9.0		7.9
19	2354801024396	Lê Hùng	Vĩ	17/07/2005			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
20	2354801024397	Trần Minh	Vương	03/05/2003			10	9	10.0	9.5			9.8		9.7
21	2354801025273	Tô Minh	Nhựt	15/09/2008			10	6	6.5	9.5			9.5		8.9

Châu Đốc, ngày 6 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thành Tài